

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khải

Bà Nguyễn Thị Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai Tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 26-02-2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-9-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Láng G 2, xã Hàm T, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1998; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Bù T, xã Phú T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thanh H tự nguyện đi đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân X, huyện hàm T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Hàm T, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 12-3-2021.

Sau khi kết hôn giữa ông Đ và bà H chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, lúc đầu ông Đ có đánh vợ 01 lần và không còn xảy ra việc đó nữa, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy kính mong Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thanh H có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Khôi N, sinh năm 2020 và Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh năm 2022. Khi ly hôn ông Đ có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh năm 2022 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đồng thời, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt trong vụ án này.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện đi đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện hàm T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Hàm T, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 12-3-2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đ thì bà H đồng ý ly hôn.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà H và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Khôi N, sinh năm 2020 và Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh năm 2022. Khi ly hôn bà và ông Đ đã tự thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh năm 2020 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và giao con chung là cháu Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh năm 2022 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu ly hôn.

+ Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc nuôi con, giao cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh năm 2020 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh năm 2022 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản và nợ chung: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn bà Trần Thị Thanh H có nơi đăng ký thường trú tại thôn Bù Tổ, xã Phú T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai).

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bị đơn bà Trần Thị Thanh H vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân X, huyện hàm T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Hàm T, tỉnh Lâm Đồng). Xét thấy hôn nhân giữa ông Đ và bà H là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của ông Đ và bà H thì xác định: Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, bản thân ông Đ và bà H đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn

đến vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn và được bà H đồng ý nên được ghi nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh năm 2020 và Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ và bà H có văn bản trình bày về việc thỏa thuận nuôi con chung. Ông Đ có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Khôi N cho đến khi cháu Đản trưởng thành, đủ 18 tuổi và đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Trần Tâm Đ cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đản trưởng thành, đủ 18 tuổi. Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự, cần chấp nhận tuyên giao con chung Nguyễn Trần Khôi N, sinh ngày 25-11-2020 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh ngày 11-6-2022 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên cần ghi nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 218, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Trần Thị Thanh H.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thanh H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao con chung là cháu

Nguyễn Trần Khôi N, sinh ngày 25-11-2020 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh ngày 11-6-2022 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0011714, ngày 24-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11- Đồng Nai). Ông Đ đã nộp đủ án phí.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai (1);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Hàm T- Lâm Đồng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hảo